

Số: /QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành,
tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1289/QĐ-TTg ngày 03/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2538/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000;

Căn cứ Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 2538/QĐ-

UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000;

Căn cứ Báo cáo số 3838/BC-SXD ngày 25/12/2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3869/TTr-SXD ngày 25/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/25.000 với những nội dung như sau:

1. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch vùng bao gồm: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Giang Thành, tổng diện tích tự nhiên là 413,49 km² (41.349 ha), ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp tỉnh An Giang;
- Phía Tây giáp Thành phố Hà Tiên và Vương quốc Campuchia;
- Phía Nam giáp thành phố Hà Tiên và huyện Kiên Lương;
- Phía Bắc giáp Vương quốc Campuchia.

Toàn huyện Giang Thành có 5 đơn vị hành chính, gồm 5 xã: Phú Lợi, Phú Mỹ, Tân Khánh Hòa, Vĩnh Điều, Vĩnh Phú.

1.2. Quy mô dân số

Hiện trạng dân số năm 2022: Khoảng 29.965 người.

- Đến năm 2030: Quy mô dân số toàn huyện khoảng 33.000 người (trong đó dân số đô thị 18.000 người; dân số nông thôn 15.000 người); tỷ lệ đô thị hóa: 51,61%- 54,54%.

- Đến năm 2040: Quy mô dân số toàn huyện khoảng 35.000 người (trong đó dân số đô thị 21.000 người; dân số nông thôn 14.000 người); tỷ lệ đô thị hóa: 57,57%-60%.

2. Quan điểm và mục tiêu

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành đến năm 2040 nhằm cụ thể hoá các khu vực phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Phát huy, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, liên kết đô thị, điểm dân cư nông thôn, đảm bảo sự phát triển cân đối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững; kết hợp chặt chẽ việc bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Tạo cơ hội kêu gọi, thu hút đầu tư, khai thác lợi thế, thế mạnh của huyện để phát triển toàn diện, bền vững các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị và nông thôn trên cơ sở khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế phù hợp với bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của địa phương và phù hợp với chủ trương chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang.

- Làm cơ sở pháp lý cho công tác chỉ đạo, lập kế hoạch, quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển trên địa bàn tỉnh.

3. Tính chất và chức năng

3.1. Tính chất

Là vùng sản xuất nông nghiệp, chuyên canh lúa, thủy sản, hoa màu, gắn với phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nông nghiệp, cộng đồng; vùng bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học của tỉnh; định hướng phát triển thương mại biên giới gắn với khu vực cửa khẩu Giang Thành; có vị trí trọng yếu về quốc phòng, an ninh.

3.2. Chức năng

Là vùng phát triển đa ngành, lấy nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản là hướng phát triển ưu tiên. Huyện có 1 cửa khẩu quốc gia Giang Thành thuận tiện cho việc phát triển kinh tế mậu dịch, với giá trị kim ngạch xuất khẩu năm sau luôn cao hơn năm trước, đây là điều kiện thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Giang Thành và tỉnh Kiên Giang.

4. Dự báo nhu cầu đất đai

- Đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 570 ha; Đất xây dựng nông thôn khoảng 280 ha; Đất công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng 90 ha - 100 ha.

- Đến năm 2040: Đất xây dựng đô thị khoảng 754 ha; Đất xây dựng nông thôn khoảng 375 ha; Đất công nghiệp, cụm công nghiệp khoảng 90 ha - 100 ha.

(Nhu cầu đất xây dựng sẽ được tính toán cụ thể trong các bước đồ án tiếp theo đảm bảo phù hợp với quy chuẩn xây dựng hiện hành)

5. Định hướng phát triển không gian vùng

5.1. Mô hình phát triển

Phát triển theo chuỗi hành lang biên giới Giang Thành - Hà Tiên, trục hành lang kinh tế này kéo dài từ An Giang đến Kiên Giang. Động lực phát triển tập trung trên tuyến quốc lộ N1 kết nối với các khu kinh tế cửa khẩu, phát triển kinh tế cửa khẩu, kinh tế biên mậu gắn với các đô thị biên giới, đảm bảo quốc phòng an ninh.

5.2. Phân vùng phát triển không gian vùng

Vùng huyện Giang Thành phát triển không gian theo 03 vùng chính:

a) Phân vùng 1: Vùng phát triển trung tâm

- Gồm xã Tân Khánh Hòa; diện tích khoảng 5.174,37ha.

- Định hướng phát triển:

+ Trung tâm động lực phát triển chính trị, văn hóa, kinh tế - xã hội cho toàn huyện.

+ Là vùng phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ kết hợp phát triển du lịch sinh thái; phát triển văn hóa thể thao, công viên giải trí, y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục đào tạo, cơ sở tôn giáo; phát triển giao thương kinh tế cửa khẩu; là khu vực quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ.

b) Phân vùng 2: Vùng phát triển phía Nam

- Gồm xã Phú Mỹ, xã Phú Lợi; diện tích khoảng 13.240 ha

- Định hướng phát triển:

+ Là vùng phát triển nuôi trồng thủy sản công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm tập trung và vùng chuyên canh lúa, lúa - tôm chất lượng cao theo chuẩn an toàn hữu cơ. Duy trì và phát triển hệ thống hoạt động nông nghiệp của huyện.

+ Phát triển vùng chuyên canh lúa - tôm cặp sông Giang Thành gắn với bố trí dân cư vành đai biên giới và phát triển du lịch cộng đồng.

+ Bảo tồn các giá trị văn hoá (Chùa khmer). Kết hợp phát triển du lịch sinh thái đồng cỏ bàng, sông Giang Thành.

Xây dựng các công trình chiến đấu trong khu vực phòng thủ của huyện, xây dựng điểm tựa phòng thủ, phòng ngự cho các đơn vị căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần, kỹ thuật.

c) Phân vùng 3: Vùng phát triển phía Đông

- Gồm xã Vĩnh Điều, xã Vĩnh Phú; diện tích khoảng 22.935 ha.

- Định hướng phát triển:

+ Tập trung xây dựng đô thị Vĩnh Phú là đô thị kinh tế gắn kết với cửa khẩu Nha Sáp làm động lực phát triển của phân vùng 3. Ưu tiên phát triển kinh tế nông nghiệp, phát triển vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, vùng chuyên canh rau màu và cây ăn trái và chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường. Vùng chuyên sản xuất lúa, rau màu, cây ăn trái. Phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao. Đây là động lực chính phát triển kinh tế của vùng.

+ Lấy Đô thị Vĩnh Phú, trung tâm xã Vĩnh Điều làm điểm tập trung dân cư cho các hoạt động sinh hoạt chính của người dân. Gắn với xây dựng Đề án bố trí dân cư khu vực biên giới.

5.3. Phân bố không gian phát triển nông nghiệp

- Xây dựng vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp, đạt chuẩn an toàn hữu cơ, theo chuỗi giá trị, tập trung tại các xã Vĩnh Phú, Vĩnh Điều, Tân Khánh Hoà, Phú Lợi, Phú Mỹ, mở rộng quy hoạch vùng sản xuất lúa - tôm ở các xã Phú Mỹ, Phú Lợi, Tân Khánh Hoà (trong đó vùng chuyên canh lúa 02 vụ tập trung ở Vĩnh Phú, Vĩnh Điều), vùng trồng rau màu chuyên canh và luân canh trên đất lúa 02 vụ tại xã Vĩnh Phú, Vĩnh Điều, Tân Khánh Hoà. Những khu vực đất lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng cây ăn trái, phát triển theo vùng tập trung, gắn với đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng đồng bộ ở các xã Phú Lợi, Tân Khánh Hoà, Vĩnh Điều, Vĩnh Phú.

- Xác định sản phẩm lúa gạo, công nghệ chế biến lúa gạo và thủy sản là những ngành hàng chủ lực của huyện kết hợp xây dựng cụm liên kết ngành lúa gạo và chế biến thủy sản gắn kết với các vùng chuyên canh.

- Dự kiến chia thành 04 phân vùng phát triển:

+ Phân vùng sản xuất lúa: Xây dựng các vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung chất lượng cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của huyện, tập trung tại các xã Vĩnh Phú, Vĩnh Điều, Tân Khánh Hòa, Phú Lợi, ấp Trần Thệ - xã Phú Mỹ. Vùng luân canh lúa - tôm ở các xã Phú Lợi, Phú Mỹ, Tân Khánh Hòa.

+ Phân vùng sản xuất rau màu: Phát triển cây trồng luân canh trên nền đất lúa theo mô hình 02 vụ lúa - 01 màu tại các xã Vĩnh Phú hoặc 01 vụ lúa - 02 vụ màu tại các xã Phú Lợi, Phú Mỹ, Tân Khánh Hòa, Vĩnh Điều, Vĩnh Phú.

+ Phân vùng sản xuất cây ăn trái: Tập trung mở rộng diện tích trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao. Hình thành các vùng tập trung, tổ chức lại sản xuất theo hướng hàng hóa lớn, hình thành quan hệ hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị ngành hàng, đa dạng hóa hệ thống canh tác gắn với phát triển du lịch sinh thái góp phần tăng hiệu quả sản xuất.

+ Phân vùng sản xuất chăn nuôi: Hình thành các cơ sở chăn nuôi tập trung xa khu dân cư, an toàn dịch bệnh.

5.4. Phân bố không gian phát triển Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

- Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến nông sản trên địa bàn huyện, và các ngành tiểu thủ công nghiệp, làng nghề nhằm phát huy giá trị văn hóa bản địa (dân tộc) như: sản xuất nệm, thảm, miếng lót cỏ bàng cần gắn liền với cấp nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý tập thể là nệm, thảm cỏ bàng Phú Mỹ.

- Phát triển làng nghề đan cỏ bàng Phú Mỹ gắn liền với cấp nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý tập thể là nệm, thảm cỏ bàng Phú Mỹ để dễ tiếp cận thị trường, mở

rộng thị trường tiêu thụ ra ngoài tỉnh và hướng tới các thị trường tiềm năng như EU, Nhật, Mỹ..., đồng thời gắn kết với phát triển các tuyến, tour du lịch sinh thái kết hợp tham quan làng nghề thủ công và sếu đầu đỏ; triển khai thực hiện các kế hoạch giáo dục, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, nhất là trong khu bảo tồn.

5.5. Phân bố không gian phát triển du lịch

- Phát huy lợi thế nằm trên tuyến du lịch Long Xuyên - Châu Đốc - Núi Sam - Hà Tiên để hướng đến các mô hình kết hợp nông nghiệp xanh - du lịch sinh thái, tâm linh, nghỉ dưỡng gắn với các giá trị văn hóa, sinh cảnh của địa phương.

- Khai thác du lịch toàn diện trên cơ sở hội tụ giá trị bản sắc: sông nước - văn hóa dựa trên chính nguồn lực có sẵn về điều kiện tự nhiên, lịch sử, kiến trúc, văn hóa...; phát triển các địa điểm tiềm năng du lịch hiện hữu, kết nối khai thác du lịch theo tuyến; tổ chức không gian hướng tới đa dạng hóa các loại hình du lịch (ngắn ngày/ dài ngày, cao cấp/ bình dân, du lịch sinh thái, du lịch khám phá trải nghiệm, du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch tín ngưỡng - tâm linh...); tăng cường các dịch vụ du lịch (tiếp đón, lưu trú, ăn uống, thương mại dịch vụ...), đẩy mạnh đào tạo nghiệp vụ du lịch để khai thác lao động tại chỗ; tạo dựng và đẩy mạnh quảng bá hình ảnh thương hiệu của huyện; liên kết các điểm du lịch của các huyện trong tỉnh để phát triển tiềm năng.

- Phát triển du lịch sinh thái trải nghiệm, nghỉ dưỡng. Tạo lập một không gian thư giãn, các đoàn du lịch tìm hiểu tham quan về nét đặc trưng Khu bảo tồn sinh cảnh Phú Mỹ.

5.6. Phân bố không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội

a) Hệ thống cơ quan, công sở

- Hệ thống các công trình hành chính cấp huyện cơ bản đã được xây dựng khá đầy đủ, khang trang trong những năm gần đây, đáp ứng nhu cầu của huyện trong giai đoạn hiện nay cũng như các giai đoạn quy hoạch theo đồ án. Một số công trình tương đối cũ, xuống cấp cần được tiếp tục cải tạo, chỉnh trang đáp ứng phục vụ tốt nhất cho các nhu cầu người dân.

- Các công trình hành chính cấp xã cũng đã được đầu tư, tuy nhiên một số còn phân tán, đã xuống cấp, cần tiếp tục quan tâm đầu tư theo các quy hoạch nông thôn mới đã được phê duyệt.

b) Hệ thống thương mại, dịch vụ

- Xã hội hóa ngành thương mại - dịch vụ với nhiều thành phần kinh tế tham gia. Khuyến khích phát triển các dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Ưu tiên phát triển và hiện đại hóa các loại hình thương mại và dịch vụ chất lượng cao.

- Hình thành các trung tâm thương mại tại huyện: Kêu gọi, đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tại khu vực trung tâm huyện và các khu vực dự kiến phát triển đô thị trên quốc lộ N1.

- Hệ thống công trình dịch vụ: Phát triển các phố kết hợp với dịch vụ thương mại đa dạng tại trung tâm của các đô thị và các trung tâm xã.

- Xã trên địa bàn huyện; Phát triển các điểm dịch vụ, trạm dừng chân, cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên tuyến Quốc lộ 80; đường N1 và các trục đường tỉnh.

- Mạng lưới chợ: Tiếp tục nâng cấp các chợ xã, chợ khu vực và mở thêm chợ ở những nơi có nhu cầu (theo Quy hoạch nông thôn mới các xã).

c) Hệ thống công trình y tế

- Xây dựng hệ thống y tế huyện từng bước hiện đại, hoàn chỉnh, hướng tới công bằng, hiệu quả và phát triển; tiếp tục tranh thủ các nguồn đầu tư, đi đôi với đẩy mạnh xã hội hóa để hoàn thiện cơ sở vật chất ngành y tế từ huyện tới cơ sở, phát triển mạng lưới khám chữa bệnh và dịch vụ y tế tư nhân.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện, đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh của người dân,...

- Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, nâng cao chất lượng y tế cơ sở, phát triển và nâng chất lượng mạng lưới y tế dự phòng, tạo điều kiện mở rộng mạng lưới y tế ngoài công lập.

d) Hệ thống công trình giáo dục, đào tạo

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất cho các trường theo hướng đạt chuẩn Quốc gia, tăng cường liên kết đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với trợ giúp, tư vấn, ứng dụng chuyển giao kỹ thuật công nghệ mới cho nhân dân.

- Định hướng phát triển dạy nghề là mở rộng, tăng quy mô đào tạo nghề, đa ngành hóa, đa trình độ đào tạo ở các trường trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng, phát triển trung tâm dạy nghề ở huyện. Xã hội hóa dạy nghề, khuyến khích các doanh nghiệp mở các lớp dạy nghề hoặc cơ sở dạy nghề trong doanh nghiệp.

đ) Hệ thống công trình thể dục thể thao - văn hoá

- Xây dựng hoàn thiện đồng bộ và nâng cao chất lượng hoạt động các Trung tâm Văn hoá thể thao xã, Nhà văn hoá - trụ sở áp tiến tới thành lập Trung tâm Văn hoá thể thao và học tập cộng đồng xã phục vụ nhu cầu tổ chức học tập, vui chơi giải trí và luyện tập thể dục thể thao của nhân dân.

- Giai đoạn 2021-2025, triển khai thực hiện Đề án sát nhập thành Trung tâm Văn hoá - Thể thao và học tập cộng đồng.

- Giai đoạn 2026-2030, hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở gắn với mục tiêu, yêu cầu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và gắn với mục tiêu xây dựng huyện trở thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Nâng cấp cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị cho Khu văn hóa thể dục thể thao của huyện, xây dựng các sân vận động, sân quần vợt, bóng chuyền và cầu lông.

6. Tổ chức không gian đô thị và các điểm dân cư nông thôn

6.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

a) Đô thị Tân Khánh Hòa

- Tính chất: Là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, thương mại, văn hóa, khoa học kỹ thuật, đầu mối giao thông của huyện Giang Thành; có cửa khẩu chính Giang Thành kết nối Khu kinh tế cửa khẩu Hà Tiên hình thành Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Kiên Giang sau năm 2030. Tân Khánh Hòa là đô thị loại V đến năm 2025, đô thị loại IV sau năm 2030.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 9.000 người; Đến năm 2040 khoảng 11.000 người.

- Định hướng không gian phát triển đô thị:

+ Phát triển thương mại dịch vụ trên trục quốc lộ N1, đường ĐT.970B và khu cửa khẩu quốc gia Giang Thành phục vụ nhu cầu giao thương giữa Việt Nam và Campuchia.

+ Phát triển đô thị dọc theo quốc lộ N1, ĐT.970B kết nối với thành phố Hà Tiên, thị xã Kiên Lương, thị xã Tịnh Biên (tỉnh An Giang) và cửa khẩu Ton Hon (huyện Kampong Trach, tỉnh Kampot, Campuchia) gắn với không gian cảnh quan dọc kênh Hà Giang, sông Giang Thành, vùng sản xuất nông nghiệp.

b) Đô thị Vĩnh Phú

- Tính chất: Là đô thị thương mại - dịch vụ phía Nam của huyện Giang Thành. Giai đoạn đến năm 2030 Đô thị Vĩnh Phú (*đô thị mới*) trở thành đô thị loại V.

- Quy mô dân số: Đến năm 2030 khoảng 9.000 người; Đến năm 2040 khoảng 10.000 người

- Định hướng không gian phát triển đô thị:

+ Phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái nhà vườn, du lịch cộng đồng trên trục đường ĐT.963, ĐT.972C kết nối với thị xã Kiên Lương, đô thị Tân Khánh Hòa và trục quốc lộ N1 hướng đi thị xã Tịnh Biên (tỉnh An Giang).

+ Phát triển đô thị gắn với không gian cảnh quan dọc kênh T2, T3, vùng sản xuất nông nghiệp.

6.2. Định hướng tổ chức hệ thống các điểm dân cư nông thôn

- Định hướng phát triển các khu dân cư nông thôn trên cơ sở các đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã đã được phê duyệt. Tận dụng các điểm dân cư hiện hữu; khai thác tối đa điều kiện tự nhiên, tiết kiệm và hạn chế tối đa

sử dụng đất canh tác; cải tạo chỉnh trang kết hợp xây dựng mới, bảo vệ môi trường bền vững.

- Đến năm 2030, dân số khoảng 15.000 người.

- Đến năm 2040, dân số khoảng 14.000 người.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Giao thông

a) Quốc lộ

- Đầu tư nâng cấp tuyến Quốc lộ N1 (*đoạn Tịnh Biên - Hà Tiên*), tuyến Đường tuần tra biên giới (*thuộc các xã Vĩnh Điều, Phú Mỹ, Phú Lợi*) nhằm nâng cao khả năng kết nối giữa Giang Thành với các đô thị lớn trong vùng Tứ giác Long Xuyên.

b) Đường tỉnh

- Đường tỉnh 972D (*Đường tỉnh dự kiến 07*): Dài 25km, lộ giới 35m.

- Đường tỉnh 972E (*Đường tỉnh dự kiến 08*): Dài 12km, lộ giới 35m.

- Đường tỉnh 970B (*Đường Cửa khẩu Giang Thành*): Điểm đầu giao Quốc lộ N1 và điểm cuối cửa khẩu Giang Thành. Giai đoạn đến năm 2025 duy trì bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa định kỳ theo quy định.

- Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 963 (*Giồng Riềng - Tân Hiệp - Giang Thành*).

- Giai đoạn 2026 - 2030: Đầu tư mở mới Đường tỉnh 972C (*Đường tỉnh dự kiến 06*) nhằm kết nối Giang Thành và Kiên Lương, tuyến kết nối giao thông trên Quốc lộ 80 và Quốc lộ N1.

- Đường tuần tra biên giới: Dài 35km, lộ giới 35m.

c) Đường huyện

- Các tuyến duy tu, sửa chữa: Đường huyện Tân Khánh Hòa, Đường huyện Trà Phô (*Trà Phô - Tà Teng*).

- Nâng cấp và làm mới đầu nối đường Vĩnh Điều, Vĩnh Phú đến tiếp giáp Phú Lợi.

- Đường huyện giao thông dự kiến 02 (*Đường huyện Kênh HT2*): Dài 13,4 km, bắt đầu từ Quốc lộ N1 (*xã Tân Khánh Hòa*) và kết thúc tại Đường tỉnh 972C. Nâng cấp đường K3 từ đường 972C đầu nối đường T4.

- Đường huyện giao thông dự kiến 03 (*Đường huyện Đê bao Quốc phòng*): Tuyến dài 7,3 km, bắt đầu từ Đường huyện giao thông dự kiến 01 và kết thúc tại Quốc lộ N1.

- Đường huyện giao thông dự kiến 04 (*Đường huyện Kênh Ranh*): Dài 10,5 km, bắt đầu từ Quốc lộ N1 và kết thúc tại kênh T5.

- Đường huyện giao thông dự kiến 05 (*Đường huyện Kênh Giữa*): Tuyến dài 12,4 km, từ Đường huyện Kênh Nông Trường, điểm cuối giao Đường huyện giao thông dự kiến 06.

- Đường huyện giao thông dự kiến 06 (*Đường huyện Kênh T4*): Tuyến dài 10,5 km, điểm đầu Đường huyện giao thông dự kiến 04, điểm cuối kênh T2 (*ranh huyện Kiên Lương*).

d) Đường đô thị

Xây dựng các tuyến đường đô thị nhằm kết nối các tuyến đường chính như: đường Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện. Xây dựng các trục đường chính đô thị có lộ giới từ 30 - 50m.

đ) Đường giao thông nông thôn

Hệ thống giao thông nông thôn được nâng cấp, mở mới theo tiêu chí nông thôn mới. Quy mô các tuyến đường giao thông nông thôn phải đạt từ cấp IV và được bê tông hóa để phục vụ tốt nhu cầu đi lại, sản xuất, vận chuyển hàng hóa.

e) Giao thông thủy

- Hệ thống các kênh rạch có chức năng giao thông thủy (*có phân cấp từ cấp I đến cấp VI*). Trong các khu vực dự kiến phát triển đô thị, có thể cho phép san lấp các kênh rạch nội đồng hiện hữu. Tuy nhiên, cần phải giữ lại các tuyến kênh rạch và đào mới các tuyến kênh đảm bảo khoảng cách từ trung tâm mỗi khu vực được san lấp để xây dựng đô thị đến kênh rạch gần nhất khoảng 500 - 600m, chiều dài tuyến cống từng khu vực đổ ra kênh rạch gần nhất không quá 1.000m.

- Lưu vực thoát nước từng khu vực đô thị được xác định trên cơ sở hệ thống kênh rạch theo quy hoạch. Tiếp tục hoàn chỉnh nâng cấp các công trình thủy lợi, nạo vét các kênh từ cấp, kênh nội đồng theo kỳ cứ 5 năm tiến hành tái nạo vét 01 lần.

7.2. Chuẩn bị kỹ thuật

a) Giải pháp quy hoạch cao độ nền

Cao độ khống chế nền xây dựng đô thị và nông thôn được tính toán trên cơ sở căn cứ vào cấp đô thị, dựa trên các số liệu quan trắc về thủy văn, hải văn như: Tần suất (*tổng hợp các yếu tố mực nước dâng do nước lũ sông, bão kết hợp với triều cường đo tại các trạm quan trắc*) và ảnh hưởng nước biển dâng do biến đổi khí hậu để xác định cao độ khống chế nền xây dựng phù hợp (*Trong giai đoạn lập Quy hoạch chung*).

b) Giải pháp quy hoạch thoát nước mặt

Khu vực nghiên cứu được chia thành 3 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1: Xã Tân Khánh Hòa. Hệ thống thoát nước mưa được cải tạo từ kênh mương, cống hiện hữu, xây dựng cống thoát nước mưa mới, nước thoát ra sông Giang Thành, kênh Hà Giang, kênh quốc phòng,... kênh tiêu nội đồng.

- Lưu vực 2: gồm xã Phú Mỹ và xã Phú Lợi. Hệ thống thoát nước mưa được cải tạo từ kênh mương, xây dựng cống thoát nước mưa mới, nước thoát ra sông Giang Thành, kênh Hà Giang,...kênh tiêu nội đồng.

- Lưu vực 3: gồm các xã Vĩnh Điều và xã Vĩnh Phú. Hệ thống thoát nước mưa được cải tạo từ kênh mương, xây dựng cống thoát nước mưa mới, nước thoát ra Kênh Vĩnh Tế, Kênh HT2, Kênh Bộ đội..., kênh tiêu nội đồng.

7.3. Cấp nước

a) *Nguồn nước*: Lấy từ hồ chứa nước xã Phú Mỹ có diện tích khoảng 27ha, dung tích khoảng 1 triệu m³. Từ trạm đặt ống trên các trục đường chính cấp cho khu dân cư của các xã: Vĩnh Phú, Tân Khánh Hòa, Phú Mỹ.

b) *Tổng nhu cầu dùng nước*

Giai đoạn 2030: $Q = 6.512 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Giai đoạn 2040: $Q = 6.907 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

c) *Giải pháp quy hoạch cấp nước*

Khai thác nguồn nước từ các kênh; đồng thời sử dụng nguồn cấp nước từ nhà máy nước Hà Tiên (*công suất 25.000 m³/ngđ*) đảm bảo phân phối nguồn nước sạch cho các vùng.

7.4. Cấp điện

a) *Dự báo nhu cầu*:

+ Giai đoạn đến 2030: 17.077,5 Kva.

+ Giai đoạn đến 2040: 18.112,5 Kva.

b) *Nguồn điện và lưới điện*:

- Xây dựng mới: 17,0 km đường dây trung thế 3 pha, 68,8km đường dây trung thế 1 pha; 158 trạm phân phối với tổng công suất 13.395kVA; Trạm phân phối NCS với công suất 1.550kVA; 144,8km lưới hạ thế, cải tạo 21km, với tổng 403 điện kế.

- Xây dựng mới 2x11 km NR đấu nối trạm 110 kV Giang Thành và trạm 110kV Giang Thành với công suất biểu kiến 40 MVA (trong giai đoạn 2026 - 2030).

7.5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

7.5.1. Thoát nước thải

- Khu vực đô thị: Dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước mưa riêng, có các

trạm xử lý nước thải.

- Khu vực dân cư nông thôn: Quy hoạch hệ thống thoát nước chung. Nước thải được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách, sau đó xả vào hệ thống thoát nước, dẫn ra ao hồ để làm sạch tự nhiên hoặc tưới ruộng. Xây dựng các nhà xí hợp vệ sinh cho các hộ dân.

7.5.2. Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

a) Quản lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Giang Thành được phân loại, thu gom, vận chuyển về Khu xử lý chất thải rắn huyện Giang Thành tại xã Phú Mỹ để xử lý đúng quy định.

- Trong giai đoạn 2026-2030:

+ Xây dựng Khu xử lý chất thải rắn huyện Giang Thành tại ấp Trà Phô, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành, quy mô diện tích 15,7ha với công suất xử lý 150 tấn/ngày.

+ Chuyển đổi chức năng bãi chôn lấp CTR khu vực nông thôn thành trạm trung chuyển CTR nông thôn.

- Giai đoạn 2040:

+ Nâng cấp, chỉnh trang Khu xử lý chất thải rắn huyện Giang Thành tại ấp Trà Phô, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành.

+ Nâng cấp trạm trung chuyển chất thải rắn nông thôn tại ấp Đồng Cừ, xã Vĩnh Điều lên quy mô 6,3ha.

b) Nghĩa trang

- Nhà hỏa táng huyện Giang Thành tại ấp Kinh Mới, xã Phú Mỹ, quy mô 2ha.

- Nghĩa trang nhân dân huyện tại ấp Hòa Khánh, xã Tân Khánh Hòa, quy mô 10ha.

- Nghĩa trang nhân dân xã Phú Mỹ tại Ấp Trà Phô, xã Phú Mỹ, quy mô 4ha.

- Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Phú tại ấp Mệt Lung, quy mô 5,7ha.

7.6. Thông tin liên lạc

- Mạng thông tin khu vực nghiên cứu trong giai đoạn tới sẽ được tổ chức thành các hệ thống riêng trên cơ sở hệ thống hiện có. Đảm nhiệm chức năng thoại, truyền hình, truyền số liệu và truy nhập Internet và mạng truyền thanh/truyền hình. Giai đoạn tiếp theo thực hiện theo định hướng chung của tỉnh.

- “Phát triển mạng truy nhập quang trong toàn huyện theo mô hình mạng NGN đa dịch vụ”... Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và doanh nghiệp đầu tư hạ tầng, tham gia khai thác và cung cấp dịch vụ viễn thông huyện trong thời gian sớm nhất.

8. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và phát triển trên địa bàn vùng huyện

- Có giải pháp bảo vệ thiên nhiên, các di tích lịch sử văn hóa. Xử lý hiện trạng ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cho nguồn cấp nước sinh hoạt và tưới tiêu, bảo vệ môi trường đất, môi trường không khí và các hệ sinh thái.

- Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường; giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp vào các quá trình sản xuất.

- Xác định quy chế bảo vệ môi trường và có biện pháp quản lý ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và nông thôn; vùng sinh thái nông nghiệp.

9. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư

- Tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ với kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, cấp tỉnh, đẩy nhanh quá trình hình thành các đô thị trên địa bàn vùng huyện.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn cho phù hợp với quy hoạch vùng đã được phê duyệt.

- Lập đề án công nhận các đô thị theo từng giai đoạn phù hợp với thực tế phát triển và định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Đầu tư xây dựng và phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn trên địa bàn huyện theo tiêu chí nông thôn mới.

- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn từ ngân sách nhà nước và huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 2. Giao UBND huyện Giang Thành phối hợp với Sở Xây dựng, Đơn vị tư vấn (*Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang*) và các Sở, ban ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố công khai Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang đến năm 2040 và tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của tài liệu, cơ sở dữ liệu (*số liệu, bản đồ*) của các ngành, lĩnh vực để nghiên cứu, lập đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành; sự thống nhất của toàn bộ đồ án quy hoạch tại thuyết minh và hệ thống bản đồ; phù hợp với Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch chuyên ngành và quy hoạch cấp trên khác có liên quan.

- Căn cứ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành được duyệt rà soát, điều chỉnh quy hoạch các ngành lĩnh vực có liên quan và thực hiện quản lý nhà nước theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Rà soát điều chỉnh hoặc lập mới các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng các điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng trên địa bàn huyện theo định hướng của Quy hoạch xây dựng vùng huyện Giang Thành được duyệt.

- Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch xây dựng làm cơ sở xác định danh mục, trình tự triển khai lập các quy hoạch xây dựng từng cấp độ; danh mục và thứ tự đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; dự kiến nhu cầu vốn cho công tác thực hiện quy hoạch xây dựng hàng năm;...theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải, Du lịch, Văn hóa và Thể thao; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giang Thành; Thủ trưởng các cơ quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các P.CT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng (10b);
- UBND huyện Giang Thành;
- LĐVP, P.KT.
- Lưu: VT, lqkhanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giang Thanh Khoa